TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/05/2024.
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H BÌNH, TỈNH H BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung, bà Phạm Thị Nga.

Thư ký toà án ghi biên bản: Bà Nguyễn Thanh Uyên – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố H Bình, tỉnh H Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H Bình tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Toản – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh H Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Kim T** – Sinh năm 1969.

Nơi ĐKTT: Số nhà 06, đường Bà Đà, tổ 1, phường Hữu Nghị, thành phố H Bình, tỉnh H Bình.

Chỗ ở: Số nhà 19, ngõ 27, tổ 1, phường Hữu Nghị, thành phố H Bình, tỉnh H Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1962.

Cùng trú tại: Số nhà 06, đường Bà Đà, tổ 1, phường Hữu Nghị, thành phố H Bình, tỉnh H Bình.

(Chị T có mặt; Anh H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hữu Nghị từ

năm 1989. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng thời gian sau đó thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do hai vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng anh chị đã ly thân không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm nên chị T đề nghị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vĩ, sinh ngày 23/5/1990. Hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T có ý kiến vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị T cho rằng vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Quá trình cung cấp và làm việc với Tòa án, anh Nguyễn Văn H có ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Kim T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hữu Nghị từ năm 1989. Quá trình chung sống có việc vợ chồng anh chị xảy ra cãi cọ, xích mích, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn to tiếng với nhau nhưng không đến mức trầm trọng, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau do chị T chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đến nay anh vẫn quan tâm đến chị T và muốn con cháu có đủ bố và mẹ cùng chăm sóc nên nay chị Đỗ Thị Kim T đề nghị ly hôn, anh không đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vĩ, sinh ngày 23/5/1990. Hiện cháu đã trưởng thành không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Về tài sản chung: Anh H có ý kiến vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh H cho rằng vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã nêu. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn đã được tống đạt các giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị Kim T ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc Vĩ, sinh ngày 23/5/1990. Hiện nay đã trưởng thành không cần nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Nguyễn Văn H đang cư trú và có đăng ký thường trú tại: Số nhà 06, đường Bà Đà, phường Hữu Nghị, thành phố H Bình, tỉnh H Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H Bình, tỉnh H Bình. Bị đơn - anh Nguyễn Văn H đã được tống đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp pháp nhưng vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Căn cứ lời khai của chị T, anh H và quá trình xác minh tại địa phương thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, hai vợ chồng hiện đã sống ly thân nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xin được ly hôn là phù hợp căn cứ luật định, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị Đỗ Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Vĩ, sinh ngày 23/5/1990. Hiện nay cháu Vĩ đã trưởng thành, chị T và anh H không yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Về công nợ chung: Các đương sự khẳng định vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Kim T ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai số 0000293 ngày 19/3/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H Bình, tỉnh H Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Nơi nhận
- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND thành phố HB;*
- *VKSND tỉnh HB;*
- *Chi cục THADS thành phố HB;*
- *UBND phường, xã nơi ĐS cư trú;*
- *UBND phường, xã thực hiện đăng ký kết hôn;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*